

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Châu, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;

Căn cứ Công văn số 173/HCC-KSTTHC ngày 20/4/2026 của Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp, ủy quyền và thực hiện cắt giảm thời gian theo chỉ đạo tại Thông báo số 91/TB-TCT ngày 17/4/2026 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Hoàng Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

- Thực hiện cắt giảm từ 20% đến 50% thời gian giải quyết đối với một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Hoàng Châu.

- Thời gian giải quyết mới không vượt quá quy định của cấp trên và đảm bảo đúng quy trình, chất lượng giải quyết.

- Công bố kèm theo Quyết định này 56 danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời thực hiện thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trung tâm phục vụ Hành chính công:

- Niêm yết công khai thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm.

Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy trình các thủ tục hành chính.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND xã theo quy định.

2. Các phòng chuyên môn:

- Chủ động rà soát, thực hiện đơn giản hóa quy trình xử lý hồ sơ

- Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ Hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (để b/c);
- Công an tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Trung tâm PV HCC xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Chu Văn Đoàn

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TẠI XÃ HOÀNG CHÂU

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT			Tỷ lệ cắt giảm % (Cột 7=cột 6/cột 4)	Ghi chú
			Thời gian quy định	Thời gian sau cắt giảm	Thời gian cắt giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8
Lĩnh vực: Hộ tịch							
1	1.005461.000.0 0.00.H56	Đăng ký lại khai tử	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	
2	1.004746.000.0 0.00.H56	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	
3	1.004772.000.0 0.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	
4	1.004884.000.0 0.00.H56	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	
Lĩnh vực: Giáo dục							
5	1.012975.H56	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
6	1.012974.H56	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	

7	1.012973.H56	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc	25%	
8	1.012968.H56	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc	25%	
9	1.012965.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	8 ngày làm việc	32%	
10	1.012967.H56	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	20%	
11	1.012964.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	40%	
12	1.012962.H56	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	10 ngày làm việc	6 ngày làm việc	4 ngày làm việc	40%	
13	1.012961.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	3 ngày làm việc	15%	
14	1.012970.H56	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc	28,6%	
15	3.000308.H56	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	6 ngày làm việc	4 ngày làm việc	40%	
16	1.012963.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	7 ngày làm việc	35%	
17	1.012969.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	

18	3.000307.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc	25%	
		Lĩnh vực: An toàn thực phẩm					
19	2.000591.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc	20%	
20	2.000535.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc	20%	
21	1.013855.H56	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	3 ngày làm việc	15%	
		Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội					
22	1.001776.000.00.00.H56	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	2 ngày làm việc	20%	
23	2.000355.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
24	2.000286.000.00.00.H56	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội(cấp xã)	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	30%	
		Lĩnh vực: Người có công					
25	2.001157.000.00.00.H56	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15 ngày làm việc	04 ngày làm việc (đối với quy trình của xã)	01 ngày làm việc	20%	

26	2.001157.000.00.00.H56	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15 ngày làm việc	04 ngày làm việc (đối với quy trình của xã)	01 ngày làm việc	20%	
27	2.001396.000.00.00.H56	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15 ngày làm việc	04 ngày làm việc (đối với quy trình của xã)	01 ngày làm việc	20%	
28	2.001396.000.00.00.H56	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15 ngày làm việc	04 ngày làm việc (đối với quy trình của xã)	01 ngày làm việc	20%	
Lĩnh vực: Công tác dân tộc							
29	1.012222.H56	Công nhận người có uy tín	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc	25%	
30	1.012223.H56	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc	25%	
Lĩnh vực: Chăn nuôi							
31	1.012836.H56	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	50%	

32	1.012837.H56	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	7 ngày làm việc	35%	
Lĩnh vực: Di sản văn hóa							
33	1.014310.H56	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	
34	1.014312.H56	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
Lĩnh vực: Gia đình							
35	1.012084.H56	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	12 ngày làm việc	10 ngày làm việc	2 ngày làm việc	16,7%	
36	1.012085.H56	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	12 ngày làm việc	10 ngày làm việc	2 ngày làm việc	16,7 %	
Lĩnh vực:Thể dục thể thao							
37	2.000794.000.00.00.H56	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	
Lĩnh vực:Thi đua khen thưởng							

38	1.007921	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Đơn vị tổ chức phong trào giỏi cấp huyện	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	33,3%	
39	1.007922	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	33,3%	
Lĩnh vực: Thủy lợi							
40	2.001627.000.00.00.H56	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	3 ngày làm việc	15%	
41	1.014848.H56	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	20 ngày làm việc	13 ngày làm việc	7 ngày làm việc	35%	
42	1.014849.H56	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	13 ngày làm việc	9 ngày làm việc	4 ngày làm việc	31%	
43	1.014853.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	1 ngày làm việc	20%	

44	1.014859.H56	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc	40%	
45	1.014850.H56	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	8 ngày làm việc	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	37,5%	
46	1.014851.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	9 ngày làm việc	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	44,4%	
47	1.003471.000.00.00.H56	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	5 ngày làm việc	50%	
48	1.004979.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày	33,3%	
49	2.001958.000.00.00.H56	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày	33,3%	
	Lĩnh vực: Trẻ em						

50	1.004941.000.00.00.H56	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
51	2.001944.000.00.00.H56	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	33,3%	
52	2.001947.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	50%	
53	2.001942.H56	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	17 ngày làm việc	8 ngày làm việc	32%	
Lĩnh vực: Văn hoá							
54	1.013791.H56	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	33,3%	
Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ							
55	1.014946.H56	Thủ tục sáp nhập, chia tách quỹ	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	33,3%	
56	1.014947.H56	Thủ tục quỹ tự giải thể	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc	50%	
Tổng cộng						30,9%	